

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18 – 5 – 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thu.  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp  
Ông Võ Sĩ Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Kiều – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số 30/4, đường L, khóm B, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**Bị đơn:** Anh Phạm Minh T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 62, đường K, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2022, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Minh T, kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B thành phố C vào ngày 01/8/2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm M.K, sinh ngày 15/01/2020 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa, chị D thay đổi ý kiến không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị và anh T tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Anh Phạm Minh T được Tòa án thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh T không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Chị Duyên và anh T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B thành phố C vào ngày 01/8/2019, đúng quy định của pháp luật. Chị D yêu cầu ly hôn với anh T. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với anh Phạm Minh T mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải đến lần thứ hai và tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập anh T tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng anh T đều vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị D yêu cầu ly hôn với anh T với lý do vợ chồng có mâu thuẫn phát sinh từ kinh tế gia đình và do bất đồng quan điểm sống. Anh T thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị D, mà không có yêu cầu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị D. Nên việc chị D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: 01 người con chung tên Phạm M.K, sinh ngày 15/01/2020 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, anh T thống nhất giao con cho chị D nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Con chung còn nhỏ, cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi ổn định để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về việc nuôi con. Đối với yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị D thay đổi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có tài sản chung cũng không có nợ chung. Anh T không yêu cầu phân chia tài sản chung, cũng như không yêu cầu giải quyết trách nhiệm trả nợ. Không ai khác yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của chị D và anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình chị D phải nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều D được ly hôn với anh Phạm Minh T.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Phạm M.K, sinh ngày 15/01/2020 cho chị Lê Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Lê Thị Kiều D phải nộp. Ngày 11/3/2022 chị Lê Thị Kiều D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001006 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị Lê Thị Kiều D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND phường 4, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Phan Thị Thu**